

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Kính gửi: Các đơn vị, nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam**

Viện Kiểm nghiệm thuốc Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để có sở lựa chọn nhà thầu phụ cho gói hiệu chuẩn thiết bị phân tích năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Kiểm nghiệm thuốc Thành phố Hồ Chí Minh
  - Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
    - Họ và tên: Diệp Hoàng Vũ
    - Chức vụ: Nhân viên Trung tâm Đào tạo và Dịch vụ Kiểm nghiệm
    - Số điện thoại: 028 38374802
    - Email: [hctb@vienkiemnghiem.gov.vn](mailto:hctb@vienkiemnghiem.gov.vn)
  - Cách thức tiếp nhận báo giá:
    - Nhận trực tiếp tại Ban hiệu chuẩn, Viện Kiểm nghiệm thuốc Thành phố Hồ Chí Minh tại số 200 Cô Bắc, phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh
  - Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ 8h00, ngày 07 tháng 07 năm 2026 đến trước 16 giờ 30 phút ngày 08 tháng 07 năm 2026
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày

## II. Nội dung yêu cầu báo giá

### 1. Danh mục thiết bị như sau:

STT	Tên thiết bị	Model	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung thực hiện
1	Hệ thống HPLC Chromaster 5000 series	Chromaster 5000 Series	Hệ thống	1	<b>Bảo trì</b> Bảo trì theo quy trình nội bộ của nhà thầu; ghi chép chi tiết công việc bảo trì, phát hiện và khuyến nghị kỹ thuật.
2	Hệ thống sắc ký lỏng cao áp HPLC - PDA	1260 Infinity	Bộ	1	<b>Bảo trì</b> Bảo trì theo quy trình nội bộ của nhà thầu; ghi chép chi tiết công việc bảo trì, phát hiện và khuyến nghị kỹ thuật.
3	Hệ thống sắc ký lỏng đầu dò PDA	ACQUIT Y Arc System + 2998 PDA	Bộ	1	<b>Bảo trì</b> Bảo trì theo quy trình nội bộ của nhà thầu; ghi chép chi tiết công việc bảo trì, phát hiện và khuyến nghị kỹ thuật.
4	Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao Ultimate 3000	Ultimate 3000	Hệ thống	1	<b>Bảo trì</b> Bảo trì theo quy trình nội bộ của nhà thầu; ghi chép chi tiết công việc bảo trì, phát hiện và khuyến nghị kỹ thuật.
5	Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao Ultimate 3000	UTIMATE E 3000	Hệ thống	1	<b>Bảo trì</b> Bảo trì theo quy trình nội bộ của nhà thầu; ghi chép chi tiết công việc bảo trì, phát hiện và khuyến nghị kỹ thuật.
6	Hệ thống quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS	Zeenit 700P	Hệ thống	1	<b>Bảo trì</b> Bảo trì và vệ sinh bên ngoài; ghi chép chi tiết công việc bảo trì, phát hiện và khuyến nghị kỹ thuật.
7	Máy quang phổ hấp thụ UV – Vis 2 chùm tia	V650	Bộ	1	<b>Bảo trì</b> Vệ sinh và làm sạch bề mặt, buồng mẫu và cell đo; kiểm tra nguồn sáng (đèn D2/đèn Halogen); vệ sinh đường quang, khuyến nghị hệ thống gương nếu có; ghi chép chi tiết công việc bảo trì, phát hiện và khuyến nghị kỹ thuật.
8	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến UV-1800	UV-1800	Chiếc	1	<b>Bảo trì</b> Vệ sinh và làm sạch bề mặt, buồng mẫu và cell đo; kiểm tra nguồn sáng (đèn D2/đèn Halogen); vệ sinh đường quang, khuyến nghị hệ thống gương nếu có; ghi chép chi tiết công việc bảo trì, phát hiện và khuyến nghị kỹ thuật.

STT	Tên thiết bị	Model	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung thực hiện
9	MÁY QUANG PHỔ TỬ NGOẠI KHẢ KIẾN UV-1900i	UV-1900i	Chiếc	1	<b>Bảo trì</b> Vệ sinh và làm sạch bề mặt, buồng mẫu và cell đo; kiểm tra nguồn sáng (đèn D2/đèn Halogen); vệ sinh đường quang, khuyến nghị hệ thống gương nếu có; ghi chép chi tiết công việc bảo trì, phát hiện và khuyến nghị kỹ thuật.
10	Tủ an toàn sinh học 1m4	Airtech 1m4	/	1	<b>Bảo trì</b> Bảo trì và vệ sinh bên ngoài; ghi chép chi tiết công việc bảo trì, phát hiện và khuyến nghị kỹ thuật. <b>Thử nghiệm</b> Khi thiết bị vận hành ổn định $\geq 30$ phút). Vận tốc dòng khí xuống (downflow); Vận tốc dòng khí vào (inflow); Hình thái dòng khí (Smoke test): Vị trí dưới màng lọc gió cấp + Vị trí cửa kính + Vị trí khoảng mở cửa kính; Độ rò rỉ màng lọc: Bộ lọc HEPA cấp + Bộ lọc HEPA thải; Độ ồn tổng thể; Độ rọi bề mặt làm việc (lux); Cường độ ánh sáng tím; Tiêu phân trong 1 m <sup>3</sup> không khí (tiểu phân/m <sup>3</sup> ): 02 trạng thái: động & tĩnh; Đo kích thước tiểu phân ở ít nhất 02 kích thước: $> 0,5 \mu\text{m}$ và $5 \mu\text{m}$ ; Vi sinh vật trong không khí; Lấy mẫu bằng máy: Số lượng mẫu lấy: 06 mẫu, Vị trí lấy mẫu: 03 vị trí, Môi trường: 02 loại (Tổng số & năm).

STT	Tên thiết bị	Model	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung thực hiện
11	Tủ an toàn sinh học 1m4	Airtech 1m4	/	1	<p><b>Bảo trì</b> Bảo trì và vệ sinh bên ngoài; ghi chép chi tiết công việc bảo trì, phát hiện và khuyến nghị kỹ thuật.</p> <p><b>Thử nghiệm</b> Khi thiết bị vận hành ổn định <math>\geq 30</math> phút). Vận tốc dòng khí xuống (downflow); Vận tốc dòng khí vào (inflow); Hình thái dòng khí (Smoke test): Vị trí dưới màng lọc gió cấp + Vị trí cửa kính + Vị trí khoảng mở của kính; Độ rò rỉ màng lọc: Bộ lọc HEPA cấp + Bộ lọc HEPA thải; Độ ồn tổng thể; Độ rọi bề mặt làm việc (lux); Cường độ ánh sáng tím; Tiểu phân trong 1 m<sup>3</sup> không khí (tiểu phân/m<sup>3</sup>): 02 trạng thái: động &amp; tĩnh; Đo kích thước tiểu phân ở ít nhất 02 kích thước: <math>&gt; 0,5 \mu\text{m}</math> và <math>5 \mu\text{m}</math>; Vi sinh vật trong không khí; Lấy mẫu bằng máy: Số lượng mẫu lấy: 06 mẫu, Vị trí lấy mẫu: 03 vị trí, Môi trường: 02 loại (Tổng số &amp; năm).</p>
12	Tủ an toàn sinh học 1m8	Airtech 1m8	/	1	<p><b>Bảo trì</b> Bảo trì và vệ sinh bên ngoài; ghi chép chi tiết công việc bảo trì, phát hiện và khuyến nghị kỹ thuật.</p> <p><b>Thử nghiệm</b> Khi thiết bị vận hành ổn định <math>\geq 30</math> phút). Vận tốc dòng khí xuống (downflow); Vận tốc dòng khí vào (inflow); Hình thái dòng khí (Smoke test): Vị trí dưới màng lọc gió cấp + Vị trí cửa kính + Vị trí khoảng mở của kính; Độ rò rỉ màng lọc: Bộ lọc HEPA cấp + Bộ lọc HEPA thải; Độ ồn tổng thể; Độ rọi bề mặt làm việc (lux); Cường độ ánh sáng tím; Tiểu phân trong 1 m<sup>3</sup> không khí (tiểu phân/m<sup>3</sup>): 02 trạng thái: động &amp; tĩnh; Đo kích thước tiểu phân ở ít nhất 02 kích thước: <math>&gt; 0,5 \mu\text{m}</math> và <math>5 \mu\text{m}</math>; Vi sinh vật trong không khí; Lấy mẫu bằng máy: Số lượng mẫu lấy: 06 mẫu, Vị trí lấy</p>

STT	Tên thiết bị	Model	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung thực hiện
					mẫu: 03 vị trí, Môi trường: 02 loại (Tổng số & năm).
13	Nồi hấp tiệt trùng	HVA-110	Chiếc	1	<p><b>Bảo trì</b> Bảo trì và vệ sinh bên ngoài; ghi chép chi tiết công việc bảo trì, phát hiện và khuyến nghị kỹ thuật.</p> <p><b>Hiệu chuẩn</b> Hiệu chuẩn nhiệt: Độ chính xác nhiệt: ở 122 oC; Độ đồng đều nhiệt độ: ≥ 06 vị trí; Độ ổn định nhiệt độ: 30 phút; Thời gian đọc: 15 giây/lần. Hiệu chuẩn/ kiểm tra: Áp suất chu trình tiệt trùng; Chu trình tiệt trùng: Tiệt trùng 122/30 phút. Tính toán và công bố độ không đảm bảo đo, lập báo cáo hiệu chuẩn chi tiết gồm dữ liệu đo theo ISO/IEC 17025:2017.</p> <p><b>Kiểm định</b> Kiểm định kỹ thuật an toàn theo quy định hiện hành.</p> <p><b>Thẩm định</b> Thẩm định hiệu năng nồi hấp (Đánh giá sự phân bố nhiệt trong nồi hấp, Đánh giá sự thâm nhập của nhiệt trong nồi hấp, Đánh giá khả năng tiệt trùng). Yêu cầu thẩm định: (Có tải) Hấp có tải: n=2/ mỗi load (02x 01). Số load hấp: 01 Load. Load Môi trường - dụng cụ &amp; vật tư: 122/30 phút. Điều kiện hấp: hiệu chuẩn: Điểm nhiệt: 06 điểm. Thời gian đọc: 15 giây/lần.</p>

VIỆN  
GIỂM  
NH P  
CHI S

STT	Tên thiết bị	Model	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung thực hiện
14	Nồi hấp tiệt trùng	/	/	1	<p><b>Bảo trì</b> Bảo trì và vệ sinh bên ngoài; ghi chép chi tiết công việc bảo trì, phát hiện và khuyến nghị kỹ thuật.</p> <p><b>Hiệu chuẩn</b> Yêu cầu hiệu chuẩn: (Không tải). Hiệu chuẩn nhiệt: ở 121 oC; Độ chính xác nhiệt. Độ đồng đều nhiệt độ: <math>\geq 06</math> vị trí; Độ ổn định nhiệt độ: 30 phút; Thời gian đọc: 15 giây/lần; Hiệu chuẩn/kiểm tra: Áp suất; Áp suất chu trình tiệt trùng;</p> <p><b>Kiểm định</b> Kiểm định kỹ thuật an toàn theo quy định hiện hành.</p> <p><b>Thẩm định</b> Yêu cầu Thẩm định: Có tải; Hấp có tải: n=2/ mỗi load (02x01); Số load hấp: 01 Load; Load Môi trường: 121 oC/ 15 phút. Điều kiện hấp: # hiệu chuẩn; Điểm nhiệt: 06 điểm; Thời gian đọc: 15 giây/lần;</p>
15	Nồi hấp tiệt trùng SX500	SX500	Chiếc	1	<p><b>Bảo trì</b> Bảo trì và vệ sinh bên ngoài; ghi chép chi tiết công việc bảo trì, phát hiện và khuyến nghị kỹ thuật.</p> <p><b>Hiệu chuẩn</b> Hiệu chuẩn nhiệt: Độ chính xác nhiệt: ở 122 oC; Độ đồng đều nhiệt độ: <math>\geq 06</math> vị trí; Độ ổn định nhiệt độ: 30 phút; Thời gian đọc: 15 giây/lần. Hiệu chuẩn/ kiểm tra: Áp suất chu trình tiệt trùng; Chu trình tiệt trùng: Tiệt trùng 122/30 phút. Tính toán và công bố độ không đảm bảo đo, lập báo cáo hiệu chuẩn chi tiết gồm dữ liệu đo theo ISO/IEC 17025:2017.</p> <p><b>Kiểm định</b> Kiểm định kỹ thuật an toàn theo quy định hiện hành.</p> <p><b>Thẩm định</b> Thẩm định hiệu năng nồi hấp (Đánh giá sự phân bố nhiệt trong nồi hấp, Đánh giá sự thâm nhập của nhiệt trong nồi hấp, Đánh giá khả năng tiệt trùng).</p>

STT	Tên thiết bị	Model	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung thực hiện
					Yêu cầu thẩm định: (Có tải) Hấp có tải: n=2/ mỗi load (02x 01). Số load hấp: 01 Load. Load Môi trường - dụng cụ & vật tư: 122oC/ 30 phút. Điều kiện hấp: hiệu chuẩn: Điểm nhiệt: 06 điểm. Thời gian đọc: 15 giây/lần.
16	Nồi hấp tiệt trùng SX500	SX500	Chiếc	1	<p><b>Bảo trì</b> Bảo trì và vệ sinh bên ngoài; ghi chép chi tiết công việc bảo trì, phát hiện và khuyến nghị kỹ thuật.</p> <p><b>Kiểm định</b> Kiểm định kỹ thuật an toàn theo quy định hiện hành.</p> <p><b>Hiệu chuẩn</b> Yêu cầu Hiệu chuẩn: Không tải. Độ không đảm bảo đo nhiệt độ <math>\leq 1</math> oC. Hiệu chuẩn nhiệt: ở 122 oC. Độ chính xác nhiệt: Độ đồng đều nhiệt độ: <math>\geq 06</math> vị trí. Độ ổn định nhiệt độ: 30 phút. Thời gian đọc: 15 giây/lần. Hiệu chuẩn/ kiểm tra: Áp suất. Các chu trình hấp: Tiệt trùng 122 oC/ 30 phút</p> <p><b>Thẩm định</b> Yêu cầu thẩm định: (Có tải) Hấp có tải: n=2/ mỗi load (02x 01). Số load hấp: 01 Load. Load dụng cụ &amp; vật tư: 121 + 3oC/ 30 phút. Điều kiện hấp: #hiệu chuẩn. Điểm nhiệt: 06 điểm. Thời gian đọc: 15 giây/lần.</p>
17	Cân kỹ thuật	BCE220 2i-1S	Chiếc	1	<p><b>Bảo trì</b> Bảo trì và vệ sinh bên ngoài; ghi chép chi tiết công việc bảo trì, phát hiện và khuyến nghị kỹ thuật.</p> <p><b>Hiệu chuẩn</b> Độ đúng: 0,5 g; 1g; 5 g; 10g; 30g; 50g; 100g; 500g; 2100 g. Độ lặp lại: 10 g; 30 g; 50 g; 100 g (thực hiện n = 10). Sai lệch tâm: 05 vị trí</p>

STT	Tên thiết bị	Model	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung thực hiện
18	Cân kỹ thuật	BCE220 2i-1S	Chiếc	1	<p><b>Bảo trì</b> Bảo trì và vệ sinh bên ngoài; ghi chép chi tiết công việc bảo trì, phát hiện và khuyến nghị kỹ thuật.</p> <p><b>Hiệu chuẩn</b> Độ đúng: 0,5 g; 1g; 5 g; 10g; 30g; 50g; 100g; 500g; 2100 g. Độ lặp lại: 10 g; 30 g; 50 g; 100 g (thực hiện n = 10). Sai lệch tâm: 05 vị trí</p>
19	Cân kỹ thuật GX-2000	GX-2000	Chiếc	1	<p><b>Bảo trì</b> Bảo trì và vệ sinh bên ngoài; ghi chép chi tiết công việc bảo trì, phát hiện và khuyến nghị kỹ thuật.</p> <p><b>Hiệu chuẩn</b> Độ đúng: 0,5 g; 1g; 5 g; 10g; 30g; 50g; 100g; 500g; 2100 g. Độ lặp lại: 10 g; 30 g; 50 g; 100 g (thực hiện n = 10). Sai lệch tâm: 05 vị trí</p>
20	Cân kỹ thuật GX-2000	GX-2000	Chiếc	1	<p><b>Bảo trì</b> Bảo trì và vệ sinh bên ngoài; ghi chép chi tiết công việc bảo trì, phát hiện và khuyến nghị kỹ thuật.</p> <p><b>Hiệu chuẩn</b> Độ đúng: 0,5 g; 1g; 5 g; 10g; 30g; 50g; 100g; 500g; 2100 g. Độ lặp lại: 10 g; 30 g; 50 g; 100 g (thực hiện n = 10). Sai lệch tâm: 05 vị trí</p>
21	Tủ sấy	UN110	Bộ	1	<p><b>Bảo trì</b> Bảo trì và vệ sinh bên ngoài; ghi chép chi tiết công việc bảo trì, phát hiện và khuyến nghị kỹ thuật.</p> <p><b>Hiệu chuẩn</b> Kiểm tra độ đúng nhiệt độ buồng sấy bằng chuẩn nhiệt độ traceable tại (+60 °C; +70 °C; +85 °C, +105 °C, +110 °C); xác định độ đồng đều nhiệt độ trong buồng tại nhiều vị trí mẫu (≥3 vị trí) để đánh giá phân bố nhiệt đều; lập báo cáo hiệu chuẩn chi tiết với dữ liệu đo phù hợp yêu cầu ISO/IEC 17025:2017</p>
22	Tủ sấy	UF110	Chiếc	1	<p><b>Hiệu chuẩn</b> Độ không đảm bảo đo nhiệt độ ≤ 2 °C; Hiệu chuẩn: 170 °C; Độ chính xác</p>

STT	Tên thiết bị	Model	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung thực hiện
					nhiệt; Độ đồng đều nhiệt độ: $\geq 09$ vị trí; Độ ổn định nhiệt độ ở $170\text{ }^{\circ}\text{C}$ .
23	Tủ sấy ED 115	ED115/ 2023000 0013771	Chiếc	1	<b>Hiệu chuẩn</b> Độ không đảm bảo đo nhiệt độ $\leq 2\text{ }^{\circ}\text{C}$ . Hiệu chuẩn: $170\text{ }^{\circ}\text{C}$ ; Độ chính xác nhiệt; Độ đồng đều nhiệt độ: $\geq 09$ vị trí; Độ ổn định nhiệt độ ở $170\text{ }^{\circ}\text{C}$ .
24	Tủ sấy UN110	UN110	Chiếc	1	<b>Bảo trì</b> Bảo trì và vệ sinh bên ngoài; ghi chép chi tiết công việc bảo trì, phát hiện và khuyến nghị kỹ thuật. <b>Hiệu chuẩn</b> Kiểm tra độ đúng nhiệt độ buồng sấy tại ( $+60\text{ }^{\circ}\text{C}$ ; $+70\text{ }^{\circ}\text{C}$ ; $+85\text{ }^{\circ}\text{C}$ , $+105\text{ }^{\circ}\text{C}$ , $+110\text{ }^{\circ}\text{C}$ ); xác định độ đồng đều nhiệt độ trong buồng tại nhiều vị trí mẫu ( $\geq 3$ vị trí) để đánh giá phân bố nhiệt đều; lập báo cáo hiệu chuẩn chi tiết với dữ liệu đo phù hợp yêu cầu ISO/IEC 17025:2017
25	Máy đo độ dẫn điện 912 Conductometer	912 Conducto meter	Chiếc	1	Hiệu chuẩn Kiểm tra độ chính xác, kiểm tra sai số; Đo tối thiểu 2 điểm độ dẫn điện chuẩn (đo lặp lại $n \geq 5$ .. Kiểm tra độ ổn định: Đo tối thiểu 2 điểm độ dẫn điện mỗi lần cách nhau 30 phút (đo lặp lại $n \geq 3$ ). Kiểm tra nhiệt độ của đầu dò nhiệt độ trong điện cực.
26	Máy đo đường kính vòng vô khuẩn Haloes Caliper-9000900	Haloes Caliper- 9000900	Chiếc	1	Hiệu chuẩn Hiệu chuẩn thiết bị đảm bảo các thông số: Đo: 10,000 mm; Đo: 15,000 mm; Đo: 20,000 mm; Đo: 25,000 mm; Đo: 30,000 mm; Đo: 35,000 mm
27	Máy đo vòng vô khuẩn	Haloes Caliper	Chiếc	1	Hiệu chuẩn Hiệu chuẩn thiết bị đảm bảo các thông số: Đo: 10,000 mm; Đo: 15,000 mm; Đo: 20,000 mm; Đo: 25,000 mm; Đo: 30,000 mm; Đo: 35,000 mm
28	Đồng hồ đo nhiệt ẩm điện tử WSB-1	WSB -1	/	1	Hiệu chuẩn Nhiệt độ: $18\text{ }^{\circ}\text{C}$ , $27\text{ }^{\circ}\text{C}$ ; Độ ẩm: 70% RH (đợt 1)
29	Đồng hồ đo nhiệt ẩm điện tử WSB-1	WSB -1	/	1	Hiệu chuẩn Nhiệt độ: $18\text{ }^{\circ}\text{C}$ , $27\text{ }^{\circ}\text{C}$ ; Độ ẩm: 70% RH (đợt 1)

STT	Tên thiết bị	Model	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung thực hiện
30	Đồng hồ đo nhiệt ẩm điện tử WSB-1	WSB -1	/	1	Hiệu chuẩn Nhiệt độ: 18 °C, 27 °C; Độ ẩm: 70% RH (đợt 1)
31	Đồng hồ đo nhiệt ẩm điện tử WSB-1	WSB -1	/	1	Hiệu chuẩn Nhiệt độ: 18 °C, 27 °C; Độ ẩm: 70% RH
32	Đồng hồ đo nhiệt ẩm điện tử WSB-1	WSB -1	/	1	Hiệu chuẩn Nhiệt độ: 18 °C, 27 °C; Độ ẩm: 70% RH
33	Đồng hồ đo nhiệt ẩm điện tử WSB-1	WSB -1	/	1	Hiệu chuẩn Nhiệt độ: 18 °C, 27 °C; Độ ẩm: 70% RH
34	Đồng hồ đo nhiệt ẩm điện tử WSB-1	WSB -1	/	1	Hiệu chuẩn Nhiệt độ: 18 °C, 27 °C; Độ ẩm: 70% RH
35	Đồng hồ đo nhiệt ẩm điện tử WSB-1	WSB -1	/	1	Hiệu chuẩn Nhiệt độ: 18 °C, 27 °C; Độ ẩm: 70% RH
36	Đồng hồ đo nhiệt ẩm điện tử WSB-1	WSB -1	/	1	Hiệu chuẩn Nhiệt độ: 18 °C, 27 °C; Độ ẩm: 70% RH
37	Đồng hồ đo nhiệt ẩm điện tử WSB-1	WSB -1	/	1	Hiệu chuẩn Kiểm tra độ chính xác: Độ không đảm bảo đo, số hiệu chính/sai số tại: Nhiệt độ: 23-27 oC Độ ẩm: 50-70% RH
38	Đồng hồ đo nhiệt ẩm điện tử WSB-1	WSB -1	/	1	Hiệu chuẩn Kiểm tra độ chính xác: Độ không đảm bảo đo, số hiệu chính/sai số tại: Nhiệt độ: 23-27 °C Độ ẩm: 50-70% RH
39	Đồng hồ đo nhiệt ẩm điện tử WSB-1	WSB -1	/	1	Hiệu chuẩn Kiểm tra độ chính xác: Độ không đảm bảo đo, số hiệu chính/sai số tại: Nhiệt độ: 23-27 °C Độ ẩm: 50-70% RH
40	Đồng hồ đo nhiệt độ hiện số	CheckTemp 1	Chiếc	1	Hiệu chuẩn Kiểm tra độ chính xác: Độ không đảm bảo đo, số hiệu chính/sai số tại: Nhiệt độ: 2-8 °C
41	Nhiệt kế cảm biến HI147-00	HI147-00	/	1	<b>Hiệu chuẩn:</b> 2; 8; 20; 25 °C
42	Nhiệt kế cảm biến HI147-00	HI147-00	/	1	<b>Hiệu chuẩn:</b> 2; 8; 20; 25 °C
43	Nhiệt kế cảm biến HI147-00	HI147-00	/	1	<b>Hiệu chuẩn:</b> 2; 8; 20; 25 °C

STT	Tên thiết bị	Model	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung thực hiện
44	Nhiệt kế chỉ thị hiện số	292-571	Chiếc	1	<b>Hiệu chuẩn</b> Kiểm tra độ chính xác: Độ không đảm bảo đo, số hiệu chính/sai số tại: +60 °C; +70 °C; +85 °C, +105 °C, +110 °C
45	Nhiệt kế chỉ thị hiện số	292-571	Chiếc	1	<b>Hiệu chuẩn</b> Kiểm tra độ chính xác: Độ không đảm bảo đo, số hiệu chính/sai số tại: +40 °C, +60 °C, +80 °C, +100 °C
46	Nhiệt kế đầu dò Logger TCD	/	/	1	<b>Hiệu chuẩn</b> Nhiệt độ (°C): 27, 40, 70, 85, 105
47	Nhiệt kế đầu dò Logger TCD	292-501 D210700 31	Chiếc	1	<b>Hiệu chuẩn:</b> 23,0; 25,0; 33,0; 36,0; °C
48	Nhiệt kế đầu dò Logger TCD	292-571 D211403 89	Chiếc	1	<b>Hiệu chuẩn:</b> 23,0; 25,0; 33,0; 36,0; °C
49	Nhiệt kế Tec nosoft-SterilDick	SterilDic k	Chiếc	1	<b>Hiệu chuẩn:</b> 122 °C
50	Nhiệt kế thủy ngân Amarel	/	/	1	<b>Hiệu chuẩn</b> Nhiệt độ (°C): 15, 25, 37
51	Nhiệt kế thủy ngân Brannan	/	/	1	<b>Hiệu chuẩn</b> Độ không đảm bảo đo nhiệt độ $\leq 2$ °C. Hiệu chuẩn: 02 điểm nhiệt: 2°C, 8 °C.
52	Nhiệt kế thủy ngân Brannan	/	/	1	<b>Hiệu chuẩn</b> Độ không đảm bảo đo nhiệt độ $\leq 2$ °C. Hiệu chuẩn: 02 điểm nhiệt: 2 °C, 8 °C.
53	Nhiệt kế Therma 1T	/	/	1	<b>Hiệu chuẩn</b> Nhiệt độ (°C): 25, 37, 50
54	Thiết bị ghi nhiệt độ tự động Fluke 54 II-B	Fluke 54 II-B	Chiếc	1	<b>Hiệu chuẩn:</b> 30,0; 33,0; 36,0; 45,0; 90,0 °C
55	Bộ quả cân chuẩn (8 quả cân)	8 quả cân	Quả	1	<b>Hiệu chuẩn</b> Sai lệch so với khối lượng danh nghĩa
56	Quả cân chuẩn 100mg	100mg E2	Quả	1	<b>Hiệu chuẩn</b> Sai lệch so với khối lượng danh nghĩa
57	Quả cân chuẩn 1g	1g F1	Quả	1	<b>Hiệu chuẩn</b> Sai lệch so với khối lượng danh nghĩa
58	Quả cân chuẩn 200g	200g E2	Quả	1	<b>Hiệu chuẩn</b> Sai lệch so với khối lượng danh nghĩa

STT	Tên thiết bị	Model	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung thực hiện
59	Quả cân chuẩn 200mg	200mg E2	Quả	1	<b>Hiệu chuẩn</b> Sai lệch so với khối lượng danh nghĩa
60	Quả cân chuẩn 20mg	20mg E2	Quả	1	<b>Hiệu chuẩn</b> Sai lệch so với khối lượng danh nghĩa
61	Quả cân chuẩn 500mg	500mg E2	Quả	1	<b>Hiệu chuẩn</b> Sai lệch so với khối lượng danh nghĩa
62	Quả cân chuẩn 50mg	50mg E2	Quả	1	<b>Hiệu chuẩn</b> Sai lệch so với khối lượng danh nghĩa
63	Quả cân chuẩn F1 100g Mettler toledo	100g F1	Quả	1	<b>Hiệu chuẩn</b> Sai lệch so với khối lượng danh nghĩa
64	Quả cân chuẩn F1 1g Mettler toledo	1g F1	Quả	1	<b>Hiệu chuẩn</b> Sai lệch so với khối lượng danh nghĩa
65	Rây 0,250	/	/	1	<b>Thử nghiệm</b> Kiểm tra toàn bộ
66	Rây 0,355	/	/	1	<b>Thử nghiệm</b> Kiểm tra toàn bộ
67	Rây 3,15	/	/	1	<b>Thử nghiệm</b> Kiểm tra toàn bộ
68	Rây 710 $\mu\text{m}$	/	/	1	<b>Thử nghiệm</b> Kiểm tra toàn bộ
69	Đồng hồ chênh áp DWYER	2000-60 Pa	/	1	Hiệu chuẩn: 5; 10; 15; 20; 25; 30 (đợt 1)
70	Đồng hồ chênh áp DWYER	2000-60 Pa	/	1	Hiệu chuẩn: 5; 10; 15; 20; 25; 30 (đợt 1)
71	Đồng hồ chênh áp DWYER	2000-60 Pa	/	1	Hiệu chuẩn: 5; 10; 15; 20; 25; 30 (đợt 1)
72	Đồng hồ chênh áp DWYER	2000-60 Pa	/	1	Hiệu chuẩn: 5; 10; 15; 20; 25; 30 (đợt 1)
73	Đồng hồ chênh áp DWYER	2000-60 Pa	/	1	Hiệu chuẩn: 5; 10; 15; 20; 25; 30 (đợt 1)
74	Đồng hồ chênh áp DWYER	2000-60 Pa	/	1	Hiệu chuẩn: 5; 10; 15; 20; 25; 30 (đợt 1)
75	Đồng hồ chênh áp DWYER	2000-60 Pa	/	1	Hiệu chuẩn: 5; 10; 15; 20; 25; 30 (đợt 1)
76	Đồng hồ chênh áp DWYER	2000-60 Pa	/	1	Hiệu chuẩn: 5; 10; 15; 20; 25; 30 (đợt 1)

Quik

STT	Tên thiết bị	Model	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung thực hiện
77	Đồng hồ chênh áp DWYER	2000-60 Pa	/	1	Hiệu chuẩn: 5; 10; 15; 20; 25; 30 (đợt 1)
78	Đồng hồ chênh áp DWYER	2000-60 Pa	/	1	Hiệu chuẩn: 5; 10; 15; 20; 25; 30 (đợt 1)
79	Đồng hồ chênh áp DWYER	2000-60 Pa	/	1	Hiệu chuẩn: 5; 10; 15; 20; 25; 30 (đợt 2)
80	Đồng hồ chênh áp DWYER	2000-60 Pa	/	1	Hiệu chuẩn: 5; 10; 15; 20; 25; 30 (đợt 2)
81	Đồng hồ chênh áp DWYER	2000-60 Pa	/	1	Hiệu chuẩn: 5; 10; 15; 20; 25; 30 (đợt 2)
82	Đồng hồ chênh áp DWYER	2000-60 Pa	/	1	Hiệu chuẩn: 5; 10; 15; 20; 25; 30 (đợt 2)
83	Đồng hồ chênh áp DWYER	2000-60 Pa	/	1	Hiệu chuẩn: 5; 10; 15; 20; 25; 30 (đợt 2)
84	Đồng hồ chênh áp DWYER	2000-60 Pa	/	1	Hiệu chuẩn: 5; 10; 15; 20; 25; 30 (đợt 2)
85	Đồng hồ chênh áp DWYER	2000-60 Pa	/	1	Hiệu chuẩn: 5; 10; 15; 20; 25; 30 (đợt 2)
86	Đồng hồ chênh áp DWYER	2000-60 Pa	/	1	Hiệu chuẩn: 5; 10; 15; 20; 25; 30 (đợt 2)
87	Đồng hồ chênh áp DWYER	2000-60 Pa	/	1	Hiệu chuẩn: 5; 10; 15; 20; 25; 30 (đợt 2)
88	Đồng hồ chênh áp DWYER	2000-60 Pa	/	1	Hiệu chuẩn: 5; 10; 15; 20; 25; 30 (đợt 2)

2. Địa điểm Hiệu chuẩn thiết bị như sau:

Thiết bị hiệu chuẩn tại: Số 316, Quốc Lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp

3. Thời gian hiệu chuẩn dự kiến: Trong vòng 01-02 tuần kể từ ngày ký hợp đồng

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Ghi rõ tỷ lệ tạm ứng, thanh toán hợp đồng và các điều kiện tạm ứng, thanh toán

5. Các thông tin khác

Giá chào là đồng Việt Nam đã bao gồm thuế và tất cả các chi phí (vận chuyển, lưu kho, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, chi phí ủy thác xuất nhập khâu, chuyên giao công nghệ (nếu có,..))

Báo giá phải ghi rõ nội dung hiệu chuẩn như yêu cầu tại phụ lục

Báo giá phải có dấu hoặc chữ ký của người có thẩm quyền theo quy định và đóng dấu của đơn vị chào giá. Trường hợp báo giá có nhiều trang, đề nghị đơn vị đóng dấu giáp lai các trang.

Công ty vui lòng cung cấp bảng báo giá theo mẫu phụ lục đính kèm.  
Trân trọng kính chào.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Viện trưởng (để báo cáo);
- Website của Viện;
- Lưu: VT, Phòng VTTTB, tổ CNTT.

**KT VIỆN TRƯỞNG**  
**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



**Nguyễn Thanh Hà**

**Phụ lục**  
**BÁO GIÁ <sup>(1)</sup>**

**Kính gửi: Viện kiểm nghiệm thuốc Thành phố Hồ Chí Minh**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Viện Kiểm nghiệm thuốc Thành phố Hồ Chí Minh, Chúng tôi.....[ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp] báo giá cho danh mục thiết bị hiệu chuẩn như sau:

**1. Báo giá hàng hóa như sau:**

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung thực hiện	Đơn giá đã bao gồm phí, lệ phí và các chi phí liên quan (VNĐ/TB)	Thành tiền (VNĐ)
1	.....					
2	.....					
3	.....					
n	.....					
				<b>Tổng chi phí</b>		
	<b>Bảng chữ:.....</b>					

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày kể từ ngày ký

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm 2026

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP THEO PHÁP LUẬT (2)**

*(Ký tên và đóng dấu (nếu có))*

Ghi chú:

*(1) Nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.*

*(2) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.*